TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2018/DS-ST
Ngày: 28/11/2018
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lại Văn Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Đỗ Việt Hùng;
2. Bà Phạm Thị Hồng Nguyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41 /2018/TLST- TCDS ngày 07-9-2018 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-TCDS ngày 29-10-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 17, thị trấn A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh M, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Có mặt anh L, vắng mặt anh M lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết ngày 27/02/2018, anh Đỗ Mạnh M có hỏi vay tiền anh nhiều lần để về kinh doanh buôn bán điện thoại nên anh L đã cho anh M vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận lãi suất 2,5%/01 tháng, thời hạn vay 01 tháng. Đến ngày 27/03/2018 là ngày hết hạn trả nợ, anh M không trả nợ gốc và lãi, anh L đã đòi nhiều lần, nhưng anh M không trả. Nay anh L đề nghị Tòa án buộc anh M phải trả anh 50.000.000đ (gốc) và lãi như đã thỏa thuận.

Toà án đã giao Thông báo thụ lý số 41/TB-TLVA, ngày 07/9/2018 và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cho anh Đỗ Mạnh M một cách hợp L. Như vậy

anh Đỗ Mạnh M biết quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này, người được thông báo phải nộp (gửi) cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Trong trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi cho Toà án nêu rõ lý do để Toà án xem xét. Hết thời hạn này mà người được thông báo không có ý kiến gì đối với các yêu cầu của người khởi kiện, thì Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nhưng hết thời hạn nói trên và cho đến nay, anh M vẫn không có bản tự khai ghi ý kiến của mình giao nộp cho Toà án. Tòa án đã tống đạt hợp L Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần 1 cho anh M nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án không ghi được lời khai của anh M và không tiến hành hoà giải giữa hai bên đương sự được. Vì vậy anh M đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, anh M vắng mặt không có lý do, anh L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Mạnh M là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn L có đơn khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[3] Về nội dung vụ án: Anh Đỗ Mạnh M đã hợp đồng vay số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của anh Trần Văn L là có thật và phù hợp với pháp luật. Việc vay nợ giữa anh M và anh L được chứng minh bằng giấy vay tiền do anh M viết, đến nay anh M vẫn chưa thanh toán trả cho anh L số tiền nói trên và không có ý kiến gì về việc anh L khởi kiện. Qua đó chứng tỏ anh M mặc nhiên thừa nhận là anh có vay nợ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của anh L chưa thanh toán. Đến nay anh M không có chứng cứ gì để chứng minh về việc anh đã thanh toán trả số tiền vay nợ nói trên cho anh L. Trong giấy vay tiền anh M có ghi "Do tôi cần vốn làm kinh doanh, tôi có vay của anh Trần Văn L 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn), tôi hẹn ngày trả. Nếu đến ngày mà

không trả tôi xin chịu trách nhiệm trước anh L và pháp luật, tôi viết giấy này hoàn toàn tự nguyện và tỉnh táo không bị ép buộc, tôi hẹn một tháng sẽ trả", đối chiếu với quy định của Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thấy anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Từ những căn cứ nêu trên, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, buộc anh M có trách nhiệm phải thanh toán trả cho anh L số tiền vay nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là phù hợp với Điều 466; 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Anh Trần Văn L yêu cầu bị đơn trả lãi tính từ ngày cho vay 27/02/2018 cho đến khi Tòa án xét xử là ngày 28-11-2018 theo mức lãi suất 2,5%/01 tháng. Xét thấy giấy vay tiền do anh L cung cấp làm chứng cứ không có nội dung thỏa thuận lãi nên anh L yêu cầu tính lãi từ ngày 27/02/2018 là không có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận tính lãi kể từ ngày hết thời hạn trả nợ ngày 27 tháng 3 năm 2018 trên số nợ gốc đến thời điểm xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 466 cụ thể:

Từ ngày 28 tháng 3 năm 2018 đến ngày 28 tháng 11 năm 2018 là: 8 tháng ngày x 50.000.000đ x 0,833% = 3.332.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi mà anh Đỗ Mạnh M phải trả cho anh Trần Văn L là 53.332.000đ (năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[5] Về án phí : Do yêu cầu của anh Trần Văn L được chấp nhận nên cần buộc anh Đỗ Mạnh M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền anh Trần Văn L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ hoàn trả lại cho anh L là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; Điều 466; 468; 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Toà án.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Đỗ Mạnh M là hợp pháp.

2. Buộc anh Đỗ Mạnh M phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho anh Trần Văn L số tiền vay gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và 3.332.000đ tiền lãi. Tổng cộng 53.332.000đ (năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Đỗ Mạnh M phải nộp 2.666.000đ (hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Trần Văn L 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000147 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp L.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự: 2 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND thị trấn A: 1 bản;
- Hồ sơ vụ án: 1 bản;
- Lưu VP: 1 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Lại Văn Tùng